

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày 18/01/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H– Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn Mườu G, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Vũ Văn G, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn Mườu G, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt, anh G vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2018 và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa chị và anh Vũ Văn G tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 13/7/2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị H là do anh G không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay rượu chè về đánh đập vợ. Dù chị H đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên bảo nhưng không được, đồng thời do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, làm cho vợ chồng thường xuyên bất hòa, xô xát. Đến năm 2005, chị H đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở M, xã G, huyện G sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân hoàn toàn. Chị H xác định tình cảm vợ chồng hiện nay đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn G.

Về con chung: Chị H trình bày giữa chị và anh Vũ Văn G trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Trường H sinh ngày 04/02/2002, hiện đang ở với chị H.

Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Giang vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Văn G có địa chỉ: Thôn Mưỡu G, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng nhưng đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn G hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người đã sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh G không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay rượu chè về đánh đập vợ, đồng thời do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, làm cho vợ chồng thường xuyên bất hòa, xô xát. UBND xã G cũng xác nhận chị H và anh G hiện có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Bản thân anh Vũ Văn G không có mặt tại Tòa án để làm việc trong khi anh G vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó cũng chứng tỏ anh G cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn G đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xử cho chị H được ly hôn anh Vũ Văn G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn G trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Trường H sinh ngày 04/02/2002, hiện đang ở với chị H. Anh G và chị H không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên UBND xã G cũng xác nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Vũ Trường H đang ở với chị H và bản thân chị H có thu nhập ổn định, đã chăm sóc cháu Vũ Trường H rất tốt. Nguyên vọng của cháu H cũng mong muốn tiếp tục ở với mẹ đẻ. Do đó cần giao cháu Vũ Trường H cho chị

H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị Hiền không yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận, không buộc anh Giang phải đóng góp tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không có yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung nên vấn đề này Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn vắng mặt anh Vũ Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Trường H sinh ngày 04/02/2002, đến khi cháu Vũ Trường H đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001112 ngày 20/9/2018.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục THADS G;
- VKS huyện G;
- Tòa án tỉnh N;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU Q